| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số 04/2023/DS-PT
Ngày 16 - 01 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Phượng.

*Các Thẩm phán*:

+ Ông Đinh Huy Lưỡng.

+ Bà Trần Thị Sâm.

***- Thư ký phiên tòa***: bà Vũ Thị Len – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình***: bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 11/01/2023 và ngày 16/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLPT-DS ngày 17/10/2022 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2022/QĐPT-DS ngày 24/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐ-PT ngày 22/12/2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn**:* ông Đặng Minh Ph, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số nhà 58, đường Ch, phố 4, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh BÌnh. (Có mặt)

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

+ Ông Trần Văn S, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt)

+ Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1993. Địa chỉ: đội 1Y, xã YK, huyện Y, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Ông Trần Văn S và bà Hoàng Thị V đều là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/01/2023).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* ông Nguyễn Quang Tr - Luật sư của Công ty Luật TNHH W, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: tầng 15, tòa nhà V, số 23 LT, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

***2. Bị đơn:*** bà Đinh Thị Th, sinh năm 1956.

Địa chỉ: ngõ 173, đường X, phố Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông Mai Xuân Th - Luật sư của Văn phòng Luật sư số 1H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ liên hệ: số nhà 11, ngõ 24, đường Ch, phố 3, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Bà Đinh Thị H, sinh năm 1951.

Địa chỉ: số nhà 10/87, ngõ 810, đường Tr, phố Ph, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

+ Bà Đinh Thị M, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số nhà 17, cư xá L, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

*Người đại diện hợp pháp của bà Đinh Thị M, bà Đinh Thị H:* bà Đinh Thị Th sinh năm 1956; địa chỉ: ngõ 173, đường X, phố Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/7/2021, ngày 28/7/2021, ngày 23/11/2022). (Có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đinh Thị M*: ông Mai Xuân Th - Luật sư của Văn phòng luật sư số 1H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ liên hệ: số nhà 11, ngõ 24, đường Ch, phố 3, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

+ Anh Đặng Thanh N, sinh năm 1980; địa chỉ: số nhà 83, đường X, phố Tr, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của anh Đặng Thanh N:* ông Đặng Minh Ph, sinh năm: 1964; địa chỉ: số nhà 58, đường Ch, phố 4, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh BÌnh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/11/2022). (Có mặt)

+ Chị Đặng Thị D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tổ 11, ấp 1, xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố N.

Địa chỉ: ngõ 55, đường Th, phố T, phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường T*: ông An Quang H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N.

Địa chỉ: đường 30/6, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

*Người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N:* ông Phạm Ngọc A, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nlà người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/12/2022). (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

***4. Người làm chứng**:*

- Chị Trần Hà X (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Chị Trần Thu Tr (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Chị Trương Thị Thu H (Có mặt)

- Chị Nguyễn Thị D (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Ông Đặng Minh T (Có mặt)

- Anh Nguyễn Xuân Tr và chị Đinh Thị Quỳnh Ng (Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**5. Người kháng cáo:** ông Đặng Minh Ph (nguyên đơn).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đặng Minh Ph, đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Thanh N trình bày:*

Ông Đặng Minh Ph là cháu ngoại của cụ Đinh Thị B và cụ Đinh Văn Th. Cụ Th và cụ B có tất cả 05 người con là bà Đinh Thị Đ (chết năm 1990), bà Đinh Thị Th (chết khi còn nhỏ), bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị Th, bà Đinh Thị M. Các cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Bà Đinh Thị Đ có 03 người con là Đặng Minh Ph, Đặng Thanh N, Đặng Thị D. Bà Đ không có con nuôi, con riêng nào khác. Cụ B và cụ Th có tài sản là 01 thổ đất do tổ tiên để lại. Từ khi các cụ sử dụng đất đến khi cụ Th mất, thổ đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ). Việc sử dụng đất chỉ được thể hiện trên các thế hệ bản đồ, sổ mục kê do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường T quản lý. Năm 2009, sau khi cụ Th chết, cụ B đứng ra kê khai quyền sử dụng đất và được UBND thành phố Ninh Bình cấp GCNQSDĐ ngày 30/12/2009 đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 25, diện tích 929,9 $m^2$.

Đầu năm 2010, cụ B tổ chức họp gia đình phân chia đất cho con cháu. Tại cuộc họp, gia đình đã thống nhất phân chia phần đất của cụ B, cụ Th cho bà H, bà

Th, bà M, ông Ph mỗi người 1 xuất đất, còn 2 xuất đất (trong đó 1 xuất đất có nhà do cụ B sở hữu, quản lý, sử dụng). Việc họp phân chia đất được tiến hành công khai, các con cháu đều biết và nhất trí. Anh N, chị D không có mặt tại cuộc họp nhưng sau đó biết nội dung cũng đều nhất trí với việc phân chia đất của cụ B và các con cháu. Sau đó, cụ B, ông Ph, bà H, bà Th, bà M đều được cấp GCNQSDĐ đối với phần đất được phân chia. Cụ B được UBND thành phố Ninh Bình cấp 02 GCNQSDĐ số BA870500 và số BA870499 ngày 12/4/2010 mang tên Đinh Thị B.

Năm 2017 cụ B chết, việc ma chay, tang lễ đều do bà H, bà Th, bà M, ông T (chồng bà Đ) đứng ra lo liệu. Bà Th là người trực tiếp quản lý, trông coi di sản thờ cúng cụ B, cụ Th, thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất. Sau khi cụ B chết, các bà H, Th, M dựa vào một bản di chúc để tự ý giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất đối với di sản của cụ B để lại mà không thông qua các con của bà Đ là không đúng. Sau khi tiếp nhận bản di chúc, ông Ph thấy nội dung di chúc đã định đoạt toàn bộ di sản của cụ B để lại. Bản di chúc của cụ B là không hợp pháp theo quy định của pháp luật, cụ thể: bản di chúc đánh máy, nhưng không có người làm chứng cùng ký tên mà chỉ có dấu vân tay điểm chỉ của cụ B. Bản di chúc gồm 02 trang, nhưng chỉ có trang cuối cùng có dấu điểm chỉ của cụ B, cụ B không biết chữ nên không thể đọc, viết. Chứng thực của UBND phường T không có giá trị, lời chứng thực di chúc không thể hiện được đúng nội dung, không khách quan. Dấu điểm chỉ trong di chúc ông Ph có phần nghi ngờ nhưng ông không yêu cầu giám định. Ông Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: tuyên hủy bản di chúc của cụ Đinh Thị B lập ngày 22/4/2015 có chứng thực của UBND phường T, thành phố N và phân chia di sản thừa kế của cụ B bao gồm: ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất 95,2m$^2$ thuộc thửa đất số 304, tờ bản đồ số 25 và quyền sử dụng 131m$^2$ đất thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 25; địa chỉ 02 thửa đất tại phố Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo quy định của pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đinh Thị Th là bị đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Đinh Thị H, Đinh Thị M trình bày:* thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về năm mất của cụ Th và cụ B, quan hệ nhân thân giữa các thành viên trong gia đình, gia đình tổ chức họp phân chia đất và quá trình cấp GCNQSDĐ năm 2010 mang tên cụ B, ông Ph, bà H, bà M, bà Th đúng như lời khai của nguyên đơn.

Trước khi mất, cụ B có lập di chúc để lại tài sản thừa kế là quyền sử dụng 02 thửa đất và tài sản trên đất mang tên riêng của cụ cho các bà và làm nơi thờ cúng. Cụ B là người biết chữ do sau Cách mạng tháng 8, cụ được đi học lớp bình dân học vụ, xóa mù, cụ đọc chậm, biết viết xong do ít viết, tuổi cao, tay run, cầm bút không được nên cụ không viết nữa. Cụ B lập di chúc là hoàn toàn tự nguyện, theo đúng ý chí, nguyện vọng của cụ, không bị ai ép buộc, trước và sau khi lập di chúc cụ hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo. Di chúc được lập tại UBND phường T là đúng theo quy định của pháp luật. Di sản của cụ B để lại được cụ định đoạt trong di chúc gồm có: thửa đất số 304, diện tích 95,2m$^2$ và ngôi nhà 02 tầng trên đất; thửa đất số 308, tờ bản đồ số 25, diện tích 131m$^2$ đất, ngoài ra cụ không còn tài sản nào khác.

Tháng 01 năm 2017 cụ B đưa cho bà Th giữ 04 bản di chúc có nội dung giống nhau. Năm 2019 bà H, bà Th, bà M ra UBND phường T khai nhận di sản thừa kế. Thửa đất có diện tích 95,2m$^2$ đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Đinh Thị H, Đinh Thị Th, Đinh Thị M và được sử dụng vào việc thờ cúng tổ tiên theo đúng ý nguyện của cụ B. Đối với thửa đất có diện tích 131m$^2$ thì bà H, bà M đã làm văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và ủy quyền cho bà Th nhận thừa kế, bà Th đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Đinh Thị Th và tách làm 02 thửa đất để thuận lợi cho việc sử dụng. Khi bà Th đang làm thủ tục chuyển nhượng 01 thửa đất cho vợ chồng anh Nguyễn Xuân Tr và chị Đinh Thị Quỳnh Ng thì ông Ph có tranh chấp nên việc chuyển nhượng không thực hiện được. Bà Th, anh Tr, chị Ng đã hoàn thiện thủ tục yêu cầu cơ quan quản lý đất đai xóa thông tin đăng ký chuyển nhượng.

Khi cụ B còn sống, bà Th là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng; bà H, bà M có đóng góp nuôi dưỡng mẹ. Khi cụ B chết, ông Đặng Minh T là con rể và bà H, bà Th, bà M cùng đứng ra lo liệu mai táng, xây mộ, tiền lo đám tang cho cụ được lấy từ tiền phúng viếng, con cái không phải chi phí. Sau khi cụ B mất, bà Th là người trực tiếp trông coi, quản lý di sản, thờ cúng cha mẹ ông bà, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Nếu phải chia thừa kế, bà H bà Th, bà M không yêu cầu thanh toán toàn bộ các chi phí mai táng, trông coi, quản lý di sản, thờ cúng, chăm sóc, phụng dưỡng cụ Bường, thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước vì đó là nghĩa vụ của con đối với cha mẹ.

Ông Ph khởi kiện yêu cầu hủy di chúc của cụ B và yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật là không có căn cứ. Bà Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị D trình bày:* chị thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về vấn đề năm mất của cụ Th và cụ B, quan hệ nhân thân giữa các thành viên trong gia đình, gia đình tổ chức họp phân chia đất và quá trình cấp GCNQSDĐ năm 2010 mang tên cụ B, ông Ph, bà H, bà M, bà Th đúng như lời khai của nguyên đơn. Chị hoàn toàn nhất trí với việc cụ B được cấp GCNQSDĐ năm 2009 và nội dung họp gia đình phân chia đất cho con cháu năm 2010. Chị xác định 02 thửa đất đã được UBND thành phố N cấp GCNQSDĐ mang tên cụ B là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của cụ B, cụ có toàn quyền định đoạt đối với 02 thửa đất này. Đối với thửa đất 95,2m$^2$ được dùng vào việc thờ cúng tổ tiên, bản thân chị hiểu tâm nguyện của bà để lại nhà đất là di sản dùng chung làm nơi thờ cúng tổ tiên, không được phân chia. Cụ B lập bản di chúc là tự nguyện theo ý chí, nguyện vọng, không bị ai ép buộc. Chị D hoàn toàn nhất trí với bản di chúc mà cụ B để lại, không có yêu cầu chia di sản thừa kế, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường T trình bày:* ngày 22/4/2015, cụ B cùng cháu gái là H đến bộ phận một cửa UBND phường T xuất trình bản thảo di chúc về thừa kế quyền sử dụng đất. Sau khi tiếp nhận bản thảo di chúc, cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra và nhận thấy nội dung bản di chúc phù hợp với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội. Tại

thời điểm yêu cầu chứng thực cụ B có đầy đủ năng lực hành vi, tự nguyện lập bản di chúc. Do bản thảo di chúc sai một số lỗi chính tả, đánh nhầm năm sinh của cụ B, cụ B đã nhờ cán bộ tiếp nhận hồ sơ đánh lại bản thảo di chúc bằng máy vi tính. Sau khi bản thảo di chúc được đánh lại bằng máy vi tính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ đã đọc lại toàn bộ nội dung văn bản cho cụ B nghe. Sau đó đưa cho cụ B tự đọc lại, cụ B đồng ý với toàn bộ nội dung di chúc và điểm chỉ vào di chúc trước sự có mặt của bà Trần Hà X là cán bộ tiếp nhận hồ sơ. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đã thực hiện việc chứng thực di chúc, trình lãnh đạo ký, trả kết quả cho công dân theo quy định và trả lại bản thảo di chúc cho cụ B.

Sau khi cụ B chết, những người con được hưởng di sản đã đến UBND phường làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế. Cán bộ tiếp nhận đã tiến hành niêm yết văn bản khai nhận di sản theo quy định của pháp luật. Quá trình chứng thực di chúc và mở di chúc đối với bản di chúc do cụ B lập được UBND phường Th thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. UBND phường T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường N có ý kiến:* đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 631, 633, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 667, 670, 673 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 36, khoản 3 Điều 43 Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh Ph về việc tuyên hủy di chúc lập ngày 22/4/2015 của cụ Đinh Thị B và chia thừa kế di sản của cụ Đinh Thị B theo pháp luật. Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và đo đạc: ông Ph phải nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 3.400.000 đồng, số tiền chi phí đo đạc là 6.500.000 đồng; số tiền ông Ph phải nộp được đối trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp. Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự, quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 24/8/2022 nguyên đơn là ông Đặng Minh Ph có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: đề nghị xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Ông Ph và ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm, tuyên hủy bản di chúc; chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Ph.

- Bà Th, bà H, bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th, bà M trình bày: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Ph.

- Chị H trình bày: thời điểm cụ B ra UBND phường T lập di chúc và yêu cầu chứng thực di chúc, cụ B minh mẫn, biết đọc, biết chữ nhưng đọc chậm, cụ thường đọc kinh tại nhà.

- Ông T trình bày: cụ B không biết chữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Ph, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Ph phải nộp 300.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Đặng Minh Ph được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hoàng Thị V, ông Nguyễn Quang Tr, ông Phạm Ngọc A, chị Đặng Thị D, ông An Quang H, chị Trần Hà X, chị Trần Thu Tr, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Xuân Tr và chị Đinh Thị Quỳnh Ng đều vắng mặt nhưng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đặng Thanh N vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền cho ông Đặng Minh Ph. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: kháng cáo của ông Đặng Minh Ph có nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo của ông Ph.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Đặng Minh Ph.

[2.1] Đối với di chúc của cụ Đinh Thị B lập ngày 22/4/2015.

Về nguồn gốc đất: các đương sự trong vụ án đều xác định thửa đất số 304, diện tích 95,2m$^2$, trên đất có 01 ngôi nhà và thửa đất số 308, diện tích 131m$^2$, tờ bản đồ số 25 được cấp GCNQSDĐ mang tên cụ B là tài sản hợp pháp của cụ B. Do đó, cụ B có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình.

Ngày 22/4/2015, cụ Đinh Thị B đến UBND phường T lập *di chúc bằng văn bản có chứng thực* với nội dung:

"4.1. Giao cho 3 con gái của tôi là: Đinh Thị H, Đinh Thị Th, Đinh Thị M toàn quyền sở hữu, quản lý và sử dụng 92,2m$^2$ theo giấy chúng nhận quyền sử dụng đất số BA 870500 do UBND thành phố N cấp ngày 12/4/2010 (như đã ghi trên) vào việc thờ cúng tổ tiên, được lưu truyền cho các thế hệ con cháu mãi mãi về sau.

4.2. Giao cho 3 con gái của tôi là: Đinh Thi H, Đinh Thị Th, Đinh Thị M toàn quyền sở hữu, quản lý và sử dụng 131m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 870499 do UBND thành phố N cấp ngày 12/4/2010 (Như đã ghi trên".

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: di chúc do cụ B lập ngày 22/4/2015 nên phải căn cứ vào quy định của pháp luật tại thời điểm lập di chúc là Bộ luật Dân sự năm 2005 và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch để xác định di chúc của cụ B có hợp pháp hay không.

Di chúc của cụ B thuộc trường hợp *di chúc bằng văn bản có chứng thực* theo quy định tại Điều 649, khoản 4 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về nội dung di chúc: tại khoản 1 Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: nội dung của di chúc bằng văn bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm lập di chúc; họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc; họ, tên người được hưởng di sản; di sản để lại và nơi có di sản; việc chỉ định người thực hiện nghĩa vụ và nội dung của nghĩa vụ.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử xét thấy di chúc của cụ B đã ghi rõ ngày, tháng, năm lập di chúc; họ tên, nơi cư trú của cụ B; toàn bộ nội dung của di chúc không viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu. Người được hưởng di sản là bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị Th, bà Đinh Thị M được toàn quyền sử dụng 131m$^2$ đất theo GCNQSDĐ số BA 870499 do UBND thành phố N cấp ngày 12/4/2010 theo mục 4.2 của di chúc.

Riêng nội dung di chúc tại mục 4.1 thể hiện: giao cho 3 con gái của tôi là: Đinh Thị H, Đinh Thị Th, Đinh Thị M toàn quyền sở hữu, quản lý và sử dụng 92,2m$^2$ đất vào việc thờ cúng tổ tiên. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo GCNQSDĐ số BA 870500 do UBND thành phố N cấp ngày 12/4/2010 mang tên cụ B thể hiện diện tích đất là 95,2m$^2$. Tuy nhiên nội dung di chúc tại mục 4.1 ghi diện tích đất cấp cho cụ B là 92,2m$^2$ là chưa chính xác. Đối chiếu với quy định tại Điều 673 Bộ luật Dân sự năm 2005 về giải thích nội dung di chúc; trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự đều thống nhất cách hiểu di chúc ngày 22/4/2015 cụ B đã định đoạt toàn bộ di sản của cụ B. Như vậy, bản di chúc do cụ B lập có nội dung tại mục 4.1 được xác định là cụ B đã định đoạt nhà nằm trên diện tích 95,2m$^2$ đất và quyền sử dụng diện tích 95,2m$^2$ đất vào việc thờ cúng tổ tiên. Về số liệu diện tích ghi tại mục 4.1 của di chúc thể hiện thửa đất có diện tích 92,2m$^2$ chưa đúng thông tin diện tích theo GCNQSDĐ. Tuy nhiên tại mục 3.1 của di chúc đã xác định rõ di sản để lại gồm ngôi nhà 2 tầng trên diện tích 95,2m$^2$, phù hợp với mục 4.1 di chúc thể hiện rõ số và thời gian UBND thành

phố N cấp GCNQSDĐ nên xác định đây là sai sót về số liệu, không làm ảnh hưởng đến giá trị nội dung của di chúc và việc định đoạt di sản của cụ B.

Theo khoản 2 Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký *hoặc điểm chỉ* của người lập di chúc. Tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định: đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, ... số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai. Xét di chúc của cụ B gồm có 02 trang, các trang không được đánh số thứ tự, không có điểm chỉ của cụ B tại trang thứ nhất của di chúc là do sơ suất của UBND phường T trong quá trình hướng dẫn công dân lập và chứng thực di chúc. Tuy nhiên tại trang 2 của di chúc thể hiện mỗi bản chính gồm 02 (hai) tờ giấy được lập dưới dạng đánh máy vi tính; tại phần cuối của lời chứng, UBND phường T đã ghi rõ số tờ, số trang của di chúc, sau khi chứng thực UBND phường T đã đóng dấu giáp lai vào di chúc, đảm bảo về giá trị pháp lý của di chúc.

Như vậy, di chúc đã đảm bảo đúng nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005. Việc cụ B định đoạt tài sản của mình giao cho bà H, bà M, bà Th là không trái pháp luật, đạo đức xã hội.

Tại phiên tòa, ông Ph, ông S cho rằng: di chúc ngày 22/4/2015 là di chúc không hợp pháp vì cụ B không biết chữ nên không thể đọc được, di chúc phải có người làm chứng. Phía bà Th, bà H, bà M và người làm chứng là chị H đều khẳng định cụ B khi còn sống có biết đọc, biết chữ.

Lời khai của các đương sự về việc cụ B biết chữ có sự mâu thuẫn. Tuy nhiên bà Th, chị H là người trực tiếp sống cùng cụ B, biết được việc sinh hoạt hàng ngày của cụ B, cụ thường đọc kinh tại nhà. Theo lời khai của những người làm chứng như chị Trần Hà X (cán bộ tư pháp của UBND phường T) xác nhận: sau khi chị X đánh máy lại bản di chúc theo yêu cầu của cụ B, chị có đọc lại nội dung bản di chúc cho cụ nghe và chị đưa bản di chúc cho cụ B tự đọc lại…cụ đọc chậm, đợi cụ đọc xong toàn bộ văn bản, toàn bộ quá trình từ khi tiếp nhận và trả hồ sơ cho cụ hết gần một buổi sáng". (Bút lục số 591, bút lục số 592)

Lời khai của người làm chứng là chị Trần Thu Tr xác nhận: chị và chị X cùng công tác ở bộ phận một cửa của UBND phường T nên chị chứng kiến toàn bộ sự việc. Cụ B có nghe chị X đọc lại di chúc một lần, sau đó chị X có đưa di chúc cho cụ tự đọc lại một lần nữa, chị thấy cụ cầm lên và đọc rất lâu...Sau khi cụ B đọc di chúc thì cụ điểm chỉ. (Bút lục số 153)

Lời khai của chị Nguyễn Thị D là cháu dâu của cụ B trình bày: nhà chị ở sát chùa V, chị thấy cụ B đọc kinh, quyển kinh cụ đọc là những quyển chữ to, do cụ tự photo mang lên chùa đọc. Thi thoảng chị có xuống nhà cụ chơi, nếu trùng vào ngày tuần thì chị cũng hay gặp cụ đọc kinh tại nhà. (Bút lục số 204)

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định: cụ B là người biết chữ, biết đọc, biết điểm chỉ. Di chúc cụ B không thuộc trường hợp di chúc bằng văn bản có người làm chứng như phía nguyên đơn trình bày.

Việc chứng thực di chúc, lời chứng chứng thực di chúc của UBND phường T đã đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng thực theo đúng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 5; khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 12; Điều 36; điểm a khoản 3 Điều 43 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; khoản 1 Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005. Di chúc của cụ Bường đã được UBND phường T chứng thực nên hợp pháp về hình thức theo quy định của pháp luật.

Như vậy, cụ B lập di chúc trong tình trạng minh mẫn, sáng suốt; không bị lừa dối, đe doạ hoặc cưỡng ép. Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì di chúc của cụ B lập ngày 22/4/2015 là di chúc hợp pháp. Việc ông Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy bản di chúc của cụ B lập ngày 22/4/2015 có chứng thực của UBND phường T là không có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh Ph đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ B bao gồm: ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất 95,2m$^2$ thuộc thửa đất số 304 và quyền sử dụng 131m$^2$ đất thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 25 quy định của pháp luật.

Xét thấy: toàn bộ di sản của cụ Đinh Thị B đã được định đoạt bằng di chúc, di chúc hợp pháp nên di chúc đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Ph về việc chia di sản thừa kế của cụ B theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về chi phí tố tụng: căn cứ quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 3.400.000 đồng và số tiền chi phí đo đạc là 6.500.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Minh Ph; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của ông Ph không được chấp nhận nên ông Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Minh Ph.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Đặng Minh Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2021/0000919 ngày 30/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố, tỉnh Ninh Bình; ông Đặng Minh Ph đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 16/01/2023).

***Nơi nhận:***
-TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THADS thành phố Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Phượng**